

Lý thuyết Toán lớp 1: Hai mươi. Hai chục

KIẾN THỨC CẦN NHỚ

Số 20 gồm 2 chục.

- Biết đọc và viết số 20.
- Phân biệt được số chục với số đơn vị.














	CHỤC	ĐƠN VỊ	VIẾT SỐ	ĐỌC SỐ
	2	0	20	hai mươi

Hai mươi còn gọi là hai chục.

CÁC DẠNG TOÁN

Dạng 1: Viết và đọc các số

Nhằm lại cấu tạo số, cách đọc và viết các số trong phạm vi 20 đã học.

	CHỤC	ĐƠN VỊ	VIẾT SỐ	ĐỌC SỐ
	1	0	10	Mười
	1	1	11	Mười một
	1	2	12	Mười hai
	1	3	13	Mười ba
	1	4	14	Mười bốn
	1	5	15	Mười lăm
	1	6	16	Mười sáu
	1	7	17	Mười bảy
	1	8	18	Mười tám
	1	9	19	Mười chín
	2	0	20	Hai mươi

Ví dụ: Viết số thích hợp vào ô trống:

Số	Cách đọc
15	
	Mười chín

Giải:

Ta điền vào bảng như sau:

Số	Cách đọc
15	Mười lăm
19	Mười chín

Dạng 2: Phân tích số

Xác định số cho trước bằng bao nhiêu chục, bao nhiêu đơn vị.

Ví dụ: Số 11 gồm bao nhiêu chục và bao nhiêu đơn vị.

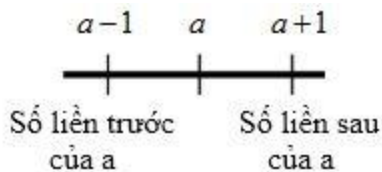
Giải:

Số 11 gồm 1 chục và 1 đơn vị.

Dạng 3: Số liền trước, số liền sau

- Số liền trước của một số là số đứng ngay phía trước của số đó và ít hơn số đó 1 đơn vị.
- Số liền sau của một số là số đứng ngay phía sau của số đó và nhiều hơn số đó 1 đơn vị.

Ví dụ: Điền số thích hợp:



Tìm số liền trước và số liền sau của số 19

Giải

Số 19 có số liền trước là số 18 và số liền sau là số 20